HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2023/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 8 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 8756/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hoá - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

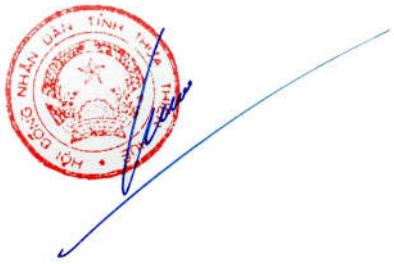
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khoá VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 13 thông qua ngày 21 tháng 8 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTVQH; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: LĐ,TB&XH; Tài chính; KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã và TP Huế;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, hộ nghèo không có khả năng lao động; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện chính sách.

2. Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, việc thực hiện phải đảm bảo đúng quy trình và thẩm quyền theo quy định.

3. Đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo các chính sách hỗ trợ trong quá trình thực hiện.

4. Trường hợp đối tượng thuộc diện được hưởng các mức hỗ trợ trong cùng một chính sách thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng là hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

Chương II
HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ CHO HỘ CẬN NGHÈO

Điều 5. Đối tượng, mức hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ

Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 của Chính phủ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định công nhận theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

2. Mức hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế còn lại *(ngoài 70% chi phí hỗ trợ bảo hiểm y tế do Trung ương hỗ trợ).*

Điều 6. Quy trình thực hiện

1. Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách người thuộc hộ gia đình cận nghèo (theo quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) tham gia bảo hiểm y tế gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Bảo hiểm xã hội cấp huyện).

2. Bảo hiểm xã hội cấp huyện tổng hợp danh sách, kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc diện hỗ trợ, đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã và thành phố Huế (gọi tắt là Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện) xác nhận, chuyển về cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trình Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính thẩm định hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Chương III
HỖ TRỢ XOÁ NGHÈO VÀ CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG CHO HỘ NGHÈO CÓ THÀNH VIÊN LÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Điều 7. Hỗ trợ, trợ cấp xã hội hàng tháng

1. Đối tượng

Hộ nghèo có thành viên trong hộ là người có công với cách mạng và đáp ứng điều kiện hộ không có khả năng lao động.

2. Mức hỗ trợ: 700.000 đồng/hộ/tháng

3. Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện

a) Hồ sơ

- Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo có thành viên là người công với cách mạng (*Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này*);

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Một trong các loại giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã *(thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã)* nơi cư trú;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản ánh, khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung liên quan;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Thời gian hỗ trợ kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định.

Điều 8. Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn

1. Đối tượng

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng thiếu hụt về phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin (phương tiện dùng chung: tivi, radio, máy tính; phương tiện cá nhân: máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh).

2. Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ

3. Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện

a) Hồ sơ

- Giấy đề nghị hỗ trợ phương tiện nghe nhìn *(Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)*;

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Một trong các loại giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã *(thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã)* nơi cư trú;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, xác nhận, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn;

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông);

- Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong 05 ngày làm việc, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ kinh phí hỗ trợ;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch

1. Đối tượng

Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng thiếu hụt về nguồn nước sinh hoạt, tiếp cận nước sạch.

2. Mức hỗ trợ: theo giá thực tế nhưng tối đa không quá 6.000.000 đồng/hộ.

3. Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện

a) Hồ sơ

- Giấy đề nghị hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt *(Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)*;

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Một trong các loại giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã *(thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã)* nơi cư trú;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, xác nhận, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ hệ thống xử lý nước sạch;

- Trong 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ hệ thống xử lý nước sạch trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ kinh phí hỗ trợ;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng có thể được hưởng đồng thời nhiều chính sách quy định tại Điều 7, 8, 9 nếu đáp ứng đủ các điều kiện được hưởng chính sách.

Chương IV
HỖ TRỢ TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG CHO HỘ NGHÈO KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG

Điều 10. Trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo không có khả năng lao động

1. Đối tượng hỗ trợ

Hộ nghèo không có khả năng lao động và đáp ứng 02 (hai) điều kiện sau: (1) Hộ có thành viên đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; (2) Hộ có thành viên đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

2. Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/hộ/tháng;

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 40% và các nguồn xã hội hoá khác là 10%; riêng huyện A Lưới, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 80%, ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10% và các nguồn xã hội hóa khác là 10%.

3. Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo không có khả năng lao động *(Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)*;

- Bản sao Quyết định hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng của thành viên đang hưởng chính sách theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

- Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Bản sao Giấy xác nhận của cơ sở y tế đối với người mất khả năng lao động (nếu đối tượng trong độ tuổi lao động);

- Hồ sơ bệnh án điều trị bệnh, tật (nếu có) chứng minh hộ có thành viên đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân cấp xã *(thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã)* nơi cư trú;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc.

Trường hợp có ý kiến khiếu nại, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung liên quan;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có ý kiến khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Thời gian hỗ trợ kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định.

Chương V

HỖ TRỢ CHO HỘ THOÁT NGHÈO, ĐỒNG THỜI THOÁT CẬN NGHÈO

Điều 11. Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế

1. Đối tượng

Hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế.

3. Quy trình thực hiện

a) Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo (theo quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo hàng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện;

b) Hàng quý, cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện căn cứ danh sách người thuộc hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế đối tượng tự đóng trên địa bàn để tổng hợp danh sách và kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc diện hỗ trợ, đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện xác nhận, chuyển về cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh;

c) Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trình Sở Tài chính;

d) Sở Tài chính thẩm định hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Chương VI
XOÁ NHÀ TẠM CHO HỘ NGHÈO

Điều 12. Hỗ trợ xoá nhà tạm cho hộ nghèo

1. Đối tượng

Hộ nghèo đăng ký thoát nghèo bền vững, hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động (cho các xã, phường, thị trấn ngoài huyện nghèo A Lưới; ngoài Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; ngoài Chương trình hỗ trợ nhà ở cho đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng) đang có nhu cầu cấp bách về xoá nhà tạm (xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở).

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây mới nhà ở: 40.000.000 đồng/nhà. Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 30.000.000 đồng/nhà, ngân sách huyện hỗ trợ 10.000.000 đồng/nhà. Huy động cộng đồng, nguồn xã hội hoá và người dân đóng góp đối ứng tối thiểu 20.000.000 đồng/nhà;

Trường hợp nguồn huy động cộng đồng, xã hội hoá và người dân đóng góp chưa đáp ứng mức hỗ trợ nêu trên thì căn cứ khả năng cân đối ngân sách, cấp huyện hỗ trợ thêm từ ngân sách nhằm đảm bảo mức đối ứng tối thiểu theo quy định.

b) Hỗ trợ sửa chữa nhà ở: 20.000.000 đồng/nhà. Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 15.000.000 đồng/nhà, ngân sách huyện 5.000.000 đồng/nhà. Huy động nguồn xã hội hoá, cộng đồng và người dân đóng góp đối ứng tối thiểu 10.000.000 đồng/nhà.

Trường hợp nguồn huy động cộng đồng, xã hội hoá và người dân đóng góp chưa đáp ứng mức hỗ trợ nêu trên thì căn cứ khả năng cân đối ngân sách, cấp huyện hỗ trợ thêm từ ngân sách nhằm đảm bảo mức đối ứng tối thiểu theo quy định.

3. Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện

a) Hồ sơ

- Đối với hộ đăng ký thoát nghèo bền vững

Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở *(Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)*;

Giấy đăng ký thoát nghèo bền vững *(Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)*;

Ảnh toàn cảnh hiện trạng nhà và các hạng mục xuống cấp, hư hỏng;

Giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất ở hợp lệ, hợp pháp không có tranh chấp;

Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

- Đối với hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động

Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở *(Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)*;

Ảnh toàn cảnh hiện trạng nhà và các hạng mục xuống cấp, hư hỏng;

Giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất ở hợp lệ, hợp pháp không có tranh chấp;

Bản sao Giấy chứng nhận hộ nghèo;

Bản sao Quyết định hưởng trợ giúp xã hội (nếu có);

Bản sao Giấy xác nhận của cơ sở y tế đối với người mất khả năng lao động (nếu có);

b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã *(thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã)* nơi cư trú;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã phối hợp Tổ trưởng/Trưởng thôn tổ chức họp bình xét hộ nghèo, hộ thoát nghèo được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở tại khu dân cư, thôn/tổ dân phố.

Thành phần: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; đại diện Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã; Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã; Tổ trưởng/Trưởng thôn (chủ trì họp); Bí thư Chi bộ thôn; Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã và đại diện các hộ có tên trong danh sách bình xét và đại diện các hộ gia đình trong thôn/tổ dân phố;

Nội dung: Thông báo công khai đối tượng thuộc diện được hỗ trợ, mức kinh phí hỗ trợ, phần đóng góp của gia đình, dòng họ, phương thức xây dựng, thống nhất danh sách hộ đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà ở;

Việc tổ chức bình xét đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, khách quan, lấy ý kiến thống nhất bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Biên bản họp và danh sách hỗ trợ được lập thành 02 bản (01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện). Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý;

Thực hiện niêm yết công khai danh sách hộ được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở tại thôn/tổ dân phố và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương trong thời gian 03 ngày.

- Hết thời hạn niêm yết công khai, Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã hoàn thiện, lập danh sách hộ gia đình được hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ gia đình thuộc diện được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở;

- Trong 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng);

- Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong 05 ngày làm việc, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ;

- Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

4. Tổ chức xây dựng nhà ở

- Hộ gia đình trong danh sách được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở ký cam kết xây mới hoặc sửa chữa nhà ở và đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị cung ứng vật liệu để xây mới hoặc sửa chữa nhà ở (nếu có nhu cầu), đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây mới hoặc sửa chữa nhà ở;

- Đối với hộ gia đình có thành viên thuộc đối tượng bảo trợ xã hội và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật) không có khả năng tự xây mới hoặc sửa chữa nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận để thống nhất phân công các đoàn thể, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tổ chức xây mới hoặc sửa chữa nhà ở cho các đối tượng này;

- Hộ gia đình được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã khi hoàn thành các phần việc theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ xây dựng nhà ở mới, hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ sửa chữa nhà ở hiện có) hoặc hoàn

thành toàn bộ công trình để tổ chức nghiệm thu làm cơ sở thực hiện giải ngân vốn hỗ trợ;

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây mới hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo tiến độ và chất lượng; lập biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

Chương VII
HỖ TRỢ ƯU ĐÃI LÃI SUẤT VAY VỐN CHO HỘ NGHÈO

Điều 13. Hỗ trợ ưu đãi lãi suất vay vốn cho hộ nghèo

1. Đối tượng

Hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo kết quả điều tra từng năm (không bao gồm hộ nghèo không có khả năng lao động) có khoản vay vốn đáp ứng đầy đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện hỗ trợ: Khách hàng vay vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Khách hàng vay vốn đúng đối tượng vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định;

b) Được Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế giải ngân chương trình cho vay hộ nghèo đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh và có phát sinh dư nợ từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025;

c) Một hộ chỉ được hỗ trợ lãi suất vay cho một hợp đồng vay vốn.

3. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn là 50% lãi suất tính trên số dư nợ vay của khoản giải ngân được giải ngân trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất và thời gian vay được hỗ trợ lãi suất.

4. Thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất

Hỗ trợ lãi suất được tính cho khoản vay được phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết thời gian vay vốn được xác định trong hợp đồng nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc khi Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 5 Điều này tùy theo thời điểm nào đến trước.

5. Kết thúc giai đoạn hỗ trợ lãi suất

Căn cứ tình hình triển khai thực hiện hỗ trợ lãi suất, khi kinh phí hỗ trợ lãi suất bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh còn lại không đủ để thực hiện hỗ trợ cho các khoản vay trong 01 tháng tiếp theo, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất, thông báo công khai tại điểm giao dịch

cấp xã của Ngân hàng Chính sách xã hội và trụ sở của Ngân hàng chính sách xã hội về thời điểm kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất, thông báo với các tổ chức hội đoàn thể cấp xã nhận ủy thác, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về thời điểm kết thúc thực hiện hỗ trợ lãi suất.

6. Hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện

Hồ sơ vay vốn, thủ tục, trình tự vay vốn: thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Chương VIII
KINH PHÍ, ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện.

2. Các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Nghị quyết này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Mẫu số 01	Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo có thành viên là người công với cách mạng
Mẫu số 02	Giấy đề nghị hỗ trợ phương tiện nghe, nhìn
Mẫu số 03	Giấy đề nghị hỗ trợ lắp đặt hệ thống nước sạch trong sinh hoạt
Mẫu số 04	Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng đối với hộ nghèo không có khả năng lao động
Mẫu số 05	Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở
Mẫu số 06	Giấy đăng ký thoát nghèo bền vững
Mẫu số 07	Biên bản họp dân
Mẫu số 08	Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng
Mẫu số 09	Quyết định phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn phục vụ tiếp cận thông tin
Mẫu số 10	Quyết định phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt
Mẫu số 11	Quyết định phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO CÓ THÀNH VIÊN LÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

1. Họ và tên (chữ in hoa):…….
Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: ……. Dân tộc: ……
Số CMND/CCCD:……..
Số điện thoại:……..
Nơi ở hiện nay của hộ:…….
2. Số người trong hộ: ……. người, cụ thể:
a) Họ và tên: ……..Năm sinh:…….
- Có khuyết tật không? □ Không □ Có
- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? □ Không □ Có
- Đang hưởng chế độ nào sau đây:
Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: .....đồng. Hưởng từ tháng …/.....
Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: …. đồng. Hưởng từ tháng …../ .....
Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: .... đồng. Hưởng từ tháng…/. ...
Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:…. đồng. Hưởng từ tháng …./ ……
……
b) Họ và tên: ……..Năm sinh:……..
- Có khuyết tật không? □ Không □ Có
- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? □ Không □ Có
- Đang hưởng chế độ nào sau đây:
Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: .....đồng. Hưởng từ tháng …/.....
Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: …. đồng. Hưởng từ tháng …../ .....
Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: .... đồng. Hưởng từ tháng…/. ….
Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:…. đồng. Hưởng từ tháng …./ …….
……
3. Hộ có thuộc diện hộ nghèo không? □ Không □ Có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay
Số CMND/CCCD:……..
Ngày cấp: ……
Nơi cấp: ……..
Mối quan hệ với đối tượng: ……
Địa chỉ: ……...

……., ngày .... tháng .... năm ...
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên.
Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn phục vụ tiếp cận thông tin

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)……

1. Họ và tên (chữ in hoa): .....
Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: …… Dân tộc: .....
Số CMND/CCCD ……
Số điện thoại: ……..
Nơi ở hiện nay của hộ: .....

2. Là hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo Giấy chứng nhận hộ nghèo số ……. do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn …….. cấp ngày……..

3. Hiện đang thiếu hụt về phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin để có điều kiện được tiếp cận thông tin, nâng cao hiểu biết như sau:

Số TT	Loại phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin
1	Ti vi
2	Radio
3	Điện thoại
…	…….

(Khoanh tròn vào phương tiện cần hỗ trợ hoặc ghi rõ phương tiện cần hỗ trợ).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay
Số CMND/CCCD:……
Ngày cấp: …….
Nơi cấp: ……
Mối quan hệ với đối tượng: …….
Địa chỉ: ……..…

……., ngày .... tháng .... năm ...
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên
Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)…….

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa): .....

Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: …… Dân tộc: .....

Số CMND/CCCD: ……

Số điện thoại: ……

Nơi ở hiện nay của hộ: .....

2. Là hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo Giấy chứng nhận hộ nghèo số …. do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn …….. cấp ngày……..

3. Hiện đang thiếu hụt về nguồn nước sạch trong sinh hoạt.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quan tâm, hỗ trợ lắp đặt hệ thống nước sạch để gia đình được sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay
Số CMND/CCCD:……
Ngày cấp: …….
Nơi cấp: ……
Mối quan hệ với đối tượng: …….
Địa chỉ: ……

……., ngày .... tháng .... năm ...
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên
Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG

1. Họ và tên chủ hộ (chữ in hoa): .....
Ngày/tháng/năm sinh: ... /... /.... Giới tính: …… Dân tộc: .....
Số CMND/CCCD ……
Số điện thoại: ……..
Nơi ở hiện nay của hộ:……
2. Số người trong hộ: ……. người, cụ thể:
a) Họ và tên: ……..Năm sinh:……
- Có khuyết tật không? □ Không □ Có
- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? □ Không □ Có
- Đang hưởng chế độ nào sau đây:
Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: .....đồng. Hưởng từ tháng …/.....
Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: …. đồng. Hưởng từ tháng …../ .....
Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: .... đồng. Hưởng từ tháng…/. ...
Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:…. đồng. Hưởng từ tháng …./ …….
……
b) Họ và tên: …… Năm sinh:……..
- Có khuyết tật không? □ Không □ Có
- Có mắc bệnh hiểm nghèo không? □ Không □ Có
- Đang hưởng chế độ nào sau đây:
Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: .... đồng. Hưởng từ tháng …/ .....
Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: …. đồng. Hưởng từ tháng …../ .....
Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: ... đồng. Hưởng từ tháng …/ ….
Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: …… đồng. Hưởng từ tháng …/……
…… ……
3. Hộ có thuộc diện hộ nghèo không? □ Không □ Có

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay
Số CMND/CCCD:……
Ngày cấp: …….
Nơi cấp: ……
Mối quan hệ với đối tượng: …….
Địa chỉ: …….

……....., ngày ... tháng... năm ...
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên
Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở

KÊ KHAI CỦA HỘ GIA ĐÌNH

1. Họ và tên (chữ in hoa): .....

Ngày/tháng/năm sinh: .../ .../ … Giới tính: ……Dân tộc: .....

Số CMND/CCCD: ……..

Số điện thoại: ……..

Nơi ở hiện nay: .....

2. Số người trong hộ:…người. Trong đó: Người trong độ tuổi lao động:…. người

3. Hoàn cảnh gia đình (ghi cụ thể có thuộc hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn kinh tế hay không)

.....

.....

4. Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ (ghi cụ thể: tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn…)

.....

.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật./.

Thông tin người khai thay
Số CMND/CCCD:……
Ngày cấp: …….
Nơi cấp: …….
Mối quan hệ với đối tượng: …….
Địa chỉ: …….

……., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên
Trường hợp khai thay phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)……

Họ và tên:…….. Giới tính: Nam □, Nữ □
Ngày/tháng/năm sinh: …../…../…; Dân tộc:……
Số CCCD/CMND:…….
Số điện thoại: ……
Nơi ở hiện nay:……
Là hộ nghèo □, hộ cận nghèo □ từ năm…….. đến năm……
Thông tin các thành viên của hộ:

STT	**Họ và tên**	**Giới tính** *(1: Nam; 2: Nữ)*	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Quan hệ với chủ hộ** *(chủ hộ/ vợ/ chồng/bố/mẹ/con...)*	**Tình trạng** *(có việc làm/ không có việc làm/ đang đi học)*
01					
02					
03					
...					

Lý do đăng ký hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo:……..
…….

.....,ngày... tháng... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 07

UBND CẤP XÃ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Thôn/Tổ/……..	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

……ngày……tháng……năm……

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày… tháng… năm 20…, tại thôn/tổ……, xã/phường/thị trấn……, huyện/thị xã/thành phố……, tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức họp để bình xét hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở.

1. Thành phần tham gia:

- Chủ trì: Ông/bà ……; chức vụ:……..……..…;
- Đại diện Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã:

Ông/bà:……; chức vụ: ……;

- Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã:

Ông/bà:……; chức vụ: ……;

- Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã:

Ông/bà:……; chức vụ: ……;

- Đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

Ông/bà:……; chức vụ: ……;

- Bí thư Chi bộ thôn: Ông/bà:..……;
- Đại diện đoàn thể:

Ông/bà:……; chức vụ: ……;

Ông/bà:……; chức vụ: ……;

- Thư ký: Ông/bà:……; chức vụ: ……;
- Đại diện hộ đăng ký thoát nghèo, hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động: Ông/bà:……;

2. Nội dung cuộc họp:

Phổ biến nội dung, tiêu chí về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo đăng ký thoát nghèo bền vững, hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động đang có nhu cầu cấp bách về xoá nhà tạm (xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở).

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất những hộ gia đình có tên trong danh sách được xem xét, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở, cụ thể như sau:

Danh sách hộ gia đình:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ đăng ký thoát nghèo bền vững, hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội không có khả năng lao động)	Số CMND/ CCCD	Đăng ký hỗ trợ (xây mới, sửa chữa)	Đối ứng của hộ	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
1										
2										

Cuộc họp kết thúc vào hồi… giờ… cùng ngày. Được thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để đề xuất cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo./.

Thư ký	Đại diện Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã	Đại diện UBND cấp xã	Chủ trì (Trưởng thôn/tổ dân phố)
Đại diện hộ đăng ký thoát nghèo, hộ nghèo	**Đại diện các đoàn thể**	**Công chức được giao làm nhiệm vụ giảm nghèo cấp xã**	**Bí thư Chi bộ thôn**

Mẫu số 08

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc trợ cấp xã hội hàng tháng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ gia đình Ông/bà:....., ngày/ tháng/ năm sinh:..../..../.... cư trú tại .....

Thuộc hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng nhưng không có khả năng lao động hoặc (thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động và có thành viên đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ; có thành viên đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế).

Mức hưởng là: **700.000** đồng/tháng hoặc **500.000** đồng/tháng.

(Bằng chữ: Bảy trăm ngàn đồng chẵn/Năm trăm ngàn đồng chẵn.)

Thời gian hưởng kể từ ngày... tháng ... năm ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố...; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/thị xã/thành phố...; Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch huyện/thị xã/thành phố.....; Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn... và các Ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt hộ gia đình/danh sách hộ gia đình được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn phục vụ tiếp cận thông tin

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hộ gia đình/danh sách hộ gia đình được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn phục vụ tiếp cận thông tin trên địa bàn (huyện, thị xã, thành phố) với tổng kinh phí: …… (Bằng chữ:……). Chi tiết có danh sách kèm theo.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (huyện, thị xã, thành phố)

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hỗ trợ đến hộ gia đình; đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

b) Tổng hợp báo cáo kết quả gửi về Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí, đảm bảo kinh phí hỗ trợ theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố…; Thủ

trưởng các đơn vị liên quan và cá nhân các ông bà nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- PCVP KGVX;
- Lưu: VT, VH.

CHỦ TỊCH

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt hộ gia đình/danh sách hộ gia đình được hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hộ gia đình/danh sách hộ gia đình được hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch trong sinh hoạt trên địa bàn (huyện, thị xã, thành phố) với tổng kinh phí: …… (Bằng chữ:……). Chi tiết có danh sách kèm theo.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố…

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hỗ trợ đến hộ gia đình; đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

b) Tổng hợp báo cáo kết quả gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí, đảm bảo kinh phí hỗ trợ theo quy định

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố…;

Thủ trưởng các đơn vị liên quan và cá nhân các ông (bà) nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- PCVP KGVX;
- Lưu: VT, VH.

CHỦ TỊCH

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 20…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt hộ gia đình/danh sách hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hộ gia đình/hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở trên địa bàn (huyện, thị xã, thành phố) với tổng kinh phí: …… (Bằng chữ:……..……..). Chi tiết có danh sách kèm theo.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (huyện, thị xã, thành phố)

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hỗ trợ đến hộ gia đình; đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

b) Tổng hợp báo cáo kết quả gửi về Sở Tài chính, Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí, đảm bảo kinh phí hỗ trợ theo quy định

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố……., Thủ trưởng các đơn vị liên quan và cá nhân các ông (bà) nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- PCVP KGVX;
- Lưu: VT, VH.

CHỦ TỊCH